

ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN TIẾNG VIỆT – ĐỀ 1

Họ và tên:Lớp:.....

PHẦN A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

II. Đọc hiểu (3 điểm)

****Học sinh đọc bài và chọn đáp án cho câu trả lời đúng:***

Nắng vàng ươm như mật trải khắp sân. Chú mèo mướp thành thoi nằm sưởi nắng bên thềm. Mắt chú lim dim ra điều thích thú. Mấy sợi ria mép rung rinh. Đùng thấy mèo ta hay nằm dài mà nghĩ chú lười. Sưởi nắng giúp mèo dẻo dai hơn đấy.

1. Bài đọc có mấy câu ?

A. 6 câu

B. 4 câu

C. 5 câu

2. Bài đọc có mấy tiếng chứa vần “ươi” ?

A. 1 tiếng

B. 2 tiếng

C. 3 tiếng

3. Bài đọc nói về chú mèo gì ?

A. Mèo tam thể
mướp

B. Mèo mun

C. Mèo

4. Chú mèo đang sưởi nắng ở đâu ?

A. Bên thềm

B. Ngoài sân

C. Trong nhà

5. Bài đọc nói đến những bộ phận cơ thể nào của chú mèo ?

A. Mắt, đuôi
tai

B. Mắt, ria mép

C. Mắt,

6. Sưởi nắng có ích lợi gì đối với mèo ?

A. Ăn ngon hơn

B. Ngủ ngon hơn

C. Dẻo dai

PHẦN B: KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ chấm:a đình

A. gi

B. d

C. r

2. Điền vào chỗ chấm: gồ.....ề

A. g

B. ng

C. gh

3. Điền vào chỗ chấm: Em ngồi trên xe đạp.

A. iên

B. yên

C. yêm

4. Từ ngữ thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Mưa rơi trên mái tôn.

A. tập nập

B. nhộn nhịp

C. lộp độp

II. Viết (nhìn chép – 7 điểm)

Mưa tạnh, những hạt mưa long lanh đọng trên các cuống lá. Bầu trời trong xanh, không khí mát mẻ.

ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN TIẾNG VIỆT – ĐỀ 2

Họ và tên:Lớp:.....

PHẦN A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

II. Đọc hiểu (3 điểm)

Tết đến thật gần. Cái rét vẫn đậm. Mấy cây đào đã chi chít lộc non. Vài nụ tròn đỏ thắm vừa hé nở. Rồi trời ấm dần, đàn én nhỏ lại riu rít bay về, náo nức đón chào năm mới.

Khoanh vào đáp án đúng

Câu 1: Đoạn văn trên nhắc đến thời gian nào?

- A. Gần Tết B. Sang thu C. Mùa hạ

Câu 2: Loại hoa nào được nhắc đến trong bài?

- A. Hoa mai B. Hoa nhài C. Hoa đào

Câu 3: Thời tiết giáp Tết như thế nào?

- A. Nóng nực B. Trời rét đậm C. Mát mẻ

Câu 4: Đoạn văn trên có bao nhiêu câu?

- A. 3 B. 4 C. 5

Câu 5: Loài chim nào được nhắc đến trong đoạn văn trên?

- A. Chim én B. Chim sơn ca C. Chim vẹt

Câu 6: Trong bài nụ hoa đào có màu gì?

- A. Màu cam B. Màu đỏ thắm C. Màu vàng tươi

PHẦN B: KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Bài tập (3 điểm)

Câu 1: Điền vào chỗ chấm: nhàa

A. gh

B. gi

C. g

Câu 2: Điền vào chỗ chấm: v..... bài

A. iết

B. iêc

C. iêp

Câu 3. Điền vào chỗ chấm:

Lanắt thích đọc sách.

A. d

B. r

C. gi

Câu 4. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Sênchậm chạp.

A. chạy

B. đi

C. bò

II. Viết (nhìn - chép) (7 điểm)

Ếch cốm

Có một hôm ếch cốm

Tình nghịch nấp bờ ao

Mải rình bắt cào cào

Quên sách bên bờ cỏ.

ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN TIẾNG VIỆT – ĐỀ 3

Họ và tên: Lớp:.....

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7điểm)

II. Đọc hiểu (3 điểm)

Thỏ và rùa

Nhìn rùa, thỏ chê: “ Quả là chậm như rùa.”. Rùa ôn tồn: “ Ta thi nhé.”. Thỏ hớn hờ tham gia. Thỏ nhón nhờ múa ca, rùa cứ bò cần mẫn. Thế là, rùa đi xa hơn hẳn thỏ.

Câu 1: Bài đọc nhắc đến con vật nào?

- A. Rùa và gà B. Rùa và thỏ C. Trâu và bò

Câu 2: Thỏ chê rùa như thế nào?

- A. Chậm như rùa B. Chậm như sóc C. Chậm như bò

Câu 3: Rùa nói gì với với thỏ?

- A. Ta đi chơi nhé B. Ta học nhé C. Ta thi nhé

Câu 3: Rùa có nhận lời thi với thỏ không?

- A. Không B. Có C. Hoảng sợ

Câu 4: Thỏ tham gia cuộc thi như thế nào?

- A. Nhón nhờ B. Chạy thẳng đến đích C. Đi đến đích

Câu 5: Kết quả cuộc thi ra sao?

- A. Rùa về đích trước B. Rùa đi xa hơn thỏ C. Cả hai cùng về đích

Câu 6: Từ cần điền vào chỗ chấm trong câu

“ Nhìn rùa thở ch^ê: “ Quả là ch^ậm như.....”

A. Sóc B. Rùa C. Thỏ

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Bài tập: (3 điểm)

Câu 1: Điền g, ng hay gh?i nhớ

A. g B. ng C. gh

Câu 2: Điền ang, ong hay ông? dòng s.....

A. ông B. ong C. ang

Câu 3: Điền vào chỗ chấm h, l hay n? giọtước

A. h B. n C. l

Câu 4. Từ cần điền vào chỗ chấm câu :

Cây hoa hồng nở hoa.....

A. rực rỡ B. khô héo C. màu xanh

II. Chính tả: Nhìn chép (7 điểm)

Nam theo mẹ đi chợ. Chợ đông vui và bán đủ thứ.

ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN TIẾNG VIỆT – ĐỀ 4

Họ và tên: Lớp:.....

PHẦN A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

II. Đọc hiểu (3 điểm)

** HS Đọc đoạn văn và chọn đáp án cho câu trả lời đúng:*

Lạc đà

Lạc đà là con vật đặc biệt. Nó có cái bướu to trên lưng. Bướu của lạc đà là nơi dự trữ chất béo. Nhờ thế, nó có thể sống qua nhiều ngày mà không cần ăn uống. Lạc đà giúp con người băng qua những vùng sa mạc khô cằn.

1. Đoạn văn có mấy câu ?

A. 4 câu

B. 5 câu

C. 6 câu

2. Trên lưng lạc đà có gì đặc biệt ?

A. Cái bướu to

B. Cái sừng

C. Bắp thịt

3. Bướu của lạc đà là nơi dự trữ gì ?

A. Thức ăn

B. Nước uống

C. Chất béo

4. Lạc đà có khả năng gì ?

A. Không cần ăn nhiều ngày

B. Chạy nhanh

C. Không ngủ nhiều ngày

5. Nhờ đâu lạc đà có thể sống qua nhiều ngày mà không cần ăn uống ?

A. Nhờ ăn nhiều

B. Nhờ bướu trên lưng

C. Nhờ khoẻ mạnh

6. Lạc đà giúp con người làm gì ?

A. Kéo hàng

B. Bể qua sa mạc

C. Chở hàng

PHẦN B: KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Bài tập (3 điểm)

2. Điền vào chỗ chấm: củ ệ

A. ng

B. gh

C. ngh

2. Điền vào chỗ chấm: Em ăm chỉ học bài.

A. tr

B. ch

C. th

3. Điền vào chỗ chấm: Em luyện v..... mỗi ngày.

A. iết

B. iêc

C. yêc

4. Từ ngữ thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Mùa đông tiết trời

A. ẩm áp

B. mát mẻ

C. lạnh giá

II. Viết (Nhìn chép) (7 điểm)

Cô dắt em đi

Trên đường đến lớp

Đường đẹp quê hương

Đường dài đất nước.